

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XÂY DỰNG THÀNH CÔNG MÔ HÌNH CƠ SỞ ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Nguyễn Đức Mạnh

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tóm tắt

Hoạt động đào tạo - nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ là những yếu tố quan trọng trong sự phát triển và khẳng định vị thế của một trường đại học, đặc biệt là trong giai đoạn các trường đang tiến tới tự chủ về mặt tài chính. Việc phát triển vườn ươm doanh nghiệp công nghệ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội sẽ góp phần đẩy mạnh hơn nữa phong trào nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường trên cơ sở dựa trên khảo sát người học và 57 doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực môi trường tại Hà Nội. Bài viết đánh giá về thực trạng và nhu cầu phát triển cũng như đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng thành công mô hình này tại Trường. Để hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được thiết thực, hiệu quả và bền vững, các bên cần nhận thức rõ các lợi ích, tôn trọng và cân bằng các lợi ích. Nhà trường cần ưu tiên chuyển giao công nghệ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ doanh nghiệp trong tư vấn, giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp. Ngược lại, doanh nghiệp cần tạo điều kiện tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập, tham quan, khảo sát, tuyển dụng và sử dụng sinh viên tốt nghiệp của nhà trường; đóng vai trò là nhà cung cấp thông tin, phản biện để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu của thị trường lao động; thường xuyên trao đổi, góp ý chương trình đào tạo, mô hình, phương pháp đào tạo của nhà trường; tài trợ, ủng hộ cho nhà trường cơ sở vật chất, thông tin và các nguồn lực trong khả năng của doanh nghiệp.

Từ khóa: Nghiên cứu khoa học; Chuyển giao công nghệ; Ươm tạo doanh nghiệp; Khởi nghiệp; Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Abstract

Solutions for successful building a model of a science and technology business incubator at Hanoi University of Natural Resources and Environment

Training, research and technology transfer are key factors for the development and affirmation of a university, especially recently when universities have been moving towards financial autonomy. The development of a science and technology business incubator (STBI) at the Hanoi University of Natural Resources and Environment (HUNRE) will promote research and technology transfer activities of staff, lecturers and students of HUNRE. Based on the survey of 57 small and medium enterprises operating in the field of environment in Hanoi, this study evaluated the current situation, development needs, advantages and disadvantages, and proposed solutions

Nghiên cứu

for successful building a STBI model at HUNRE. In order for the cooperation between universities and businesses to be practical, effective and sustainable, the parties should be aware of the benefits, respect and balance the interests. The university should give priority in technology transfer, provide high quality human resources, and support businesses in consulting and solving problems. On the other hand, businesses should support the university in students' internships, visits, surveys, recruitment and employment; provide information about the labor market needs; regularly exchange and comment on training programs, models and training methods of the university; sponsor and support the university with facilities, information and resources within their business capacity.

Keywords: Scientific research; Technology transfer; Incubator; Start-up; Small and medium enterprises.

1. Mở đầu

Ở bất kỳ quốc gia nào vấn đề gắn kết hoạt động nghiên cứu, đào tạo ở các trường Đại học, Viện nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn sản xuất và xã hội luôn là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu của chính sách phát triển khoa học và công nghệ. Các nước đều đã có nhiều nỗ lực về mặt chính sách của Nhà nước trong việc cải thiện mối quan hệ này thông qua các biện pháp chính sách như tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, áp dụng một số biện pháp hành chính, công cụ kinh tế như cho phép các trường Đại học, Viện nghiên cứu thực hiện các hoạt động tư vấn sản xuất, cho phép thành lập các công ty tư vấn, thiết kế trong Trường, trong Viện. Một trong những nỗ lực trong thời gian gần đây là hình thành các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ ngay tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu với mục đích chính là hỗ trợ các ý tưởng kinh doanh và doanh nghiệp khởi nghiệp gặp khó khăn. Hầu hết các trường Đại học hàng đầu trên thế giới như Đại học Cambridge (Anh), Đại học Quốc gia Singapore - NUS, Đại học Stanford Hoa Kỳ,... đều đã hình thành những trung tâm, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp từ nhiều năm

nay. Đặc biệt, năm 1996, Hiệp hội quốc tế các trung tâm ươm tạo doanh nghiệp tại trường Đại học (The Global Consortium of Entrepreneurship Centers (GCEC)), trụ sở tại Hoa Kỳ đã được thành lập với số thành viên không ngừng được tăng lên. Hiện nay, số cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ (KH-CN) tại các trường Đại học trở thành thành viên của hiệp hội này đã lên tới trên 200 thành viên đến từ rất nhiều quốc gia trên thế giới. Hàng năm hiệp hội này thường tổ chức các hội nghị, hội thảo thường niên nhằm đánh giá hoạt động, chia sẻ cũng như đề xuất các giải pháp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Ở Việt Nam, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong Mục 4, Phần III: Nhiệm vụ và Giải pháp nêu rõ: “Phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Hình thành các tập thể nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia. Phát triển các nhóm

nghiên cứu trẻ, tiềm năng từ các trường đại học, viện nghiên cứu để làm hạt nhân hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ” [1]. Đây là một vấn đề mới có tác động lớn đến hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ trên cả nước nên cần việc chuyển đổi phải tiến hành từng bước, có thí điểm có tổng kết, đúc rút kinh nghiệm. Hơn thế nữa, để khuyến khích và hướng dẫn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 07/2020/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV, khu làm việc chung hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo [2]. Trên thực tế đã hình thành một số tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp ở Việt Nam, tiêu biểu là: Trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ của Viện Ứng dụng công nghệ (NACENTECH), Bộ Khoa học và Công nghệ; Vườn ươm thuộc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với lĩnh vực công nghệ thông tin; Trường Đại học Bách khoa TP. HCM với lĩnh vực tin học và tự động hoá; Trung tâm ươm tạo công nghệ cao Hoà Lạc với lĩnh vực công nghệ cao; Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ của Đại học Cần Thơ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản. Hầu hết các vườn ươm hiện nay đều đang trong giai đoạn đầu của quá trình ươm tạo và chưa có vườn ươm nào hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên môi trường là thế mạnh của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Vì vậy, đối với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thì việc thành lập và xây dựng mô

hình cơ sở ươm tạo của Trường ngày càng trở lên cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Ươm tạo doanh nghiệp (UTDN) hay còn gọi là vườn ươm doanh nghiệp (VUDN) là một thuật ngữ đã trở thành khá phổ biến ở các nước có nền kinh tế thị trường khá phát triển, đến nay khái niệm này vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Mặc dù tư tưởng về UTDN đã có từ rất sớm, làn sóng nhận thức về VUDN chỉ bắt đầu trở nên mạnh mẽ từ khoảng giữa những năm 80 của thế kỷ XX khi một chuỗi các hội thảo đã được tổ chức bởi đội ngũ quản lý của các vườn ươm dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Hoa Kỳ (Allen & McCluskey 1990) [9]. Khái niệm VUDN được Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc thì VUDN là tổ chức tiến hành một cách hệ thống quá trình tạo dựng các doanh nghiệp mới, cung cấp cho các doanh nghiệp này một hệ thống toàn diện và thích hợp các dịch vụ để hoạt động thành công (United Nations, 2004) [10]. Theo Hiệp hội ươm tạo doanh nghiệp quốc gia (NBIA) thì VUDN là nơi nuôi dưỡng doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp sống sót và trưởng thành trong giai đoạn khởi nghiệp thông qua cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và các nguồn lực cần thiết.

DNNVV là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ bé về vốn, lao động hay doanh thu. DNNVV có thể chia thành ba loại cũng căn cứ vào quy mô đó là doanh nghiệp siêu nhỏ (micro), doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Theo tiêu chí của nhóm Ngân hàng Thế giới, doanh

Nghiên cứu

ng nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lượng lao động dưới 10 người, doanh nghiệp nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 50 người, còn doanh nghiệp vừa có từ 50 đến 300 lao động. Ở mỗi

nước, người ta có tiêu chí riêng để xác định DNNVV ở nước mình. Ở Việt Nam, Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ [3], quy định cụ thể ở Bảng 1.

Bảng 1. Quy định về DNNVV theo Luật tại Việt Nam

Quy mô Khu vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 50 người	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Từ trên 50 người đến 100 người

Nếu theo quy định trên thì DNNVV bao gồm có 3 loại: Doanh nghiệp siêu nhỏ là các hộ kinh doanh, hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và các kinh doanh ngành nghề có điều kiện theo Nghị định 78/2015 của chính phủ [4] chỉ cần dưới 10 lao động và không xác định theo tiêu chí vốn; Còn doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa là các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp năm 2014 [5], hợp tác xã kinh doanh và dịch vụ 3 theo Luật hợp tác xã năm 2012 [6] gồm có 2 tiêu chí: 1) có trên 10 lao động và dưới 100 lao động đối với ngành dịch vụ, dưới 300 lao động đối với các ngành khác và 2) vốn dưới 50 tỷ đồng cho ngành dịch vụ và 100 tỷ đồng cho các ngành còn lại.

Tại Việt Nam thì VUDN là một mô hình hỗ trợ doanh nghiệp toàn diện được thiết kế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi sự và mới được thành lập phát triển thông qua cung cấp

các dịch vụ dùng chung, đào tạo, hỗ trợ tài chính, trang thiết bị và nhà xưởng để các doanh nghiệp phát triển.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp chọn vùng nghiên cứu

Vùng nghiên cứu là các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực môi trường ở thành phố Hà Nội vì hầu hết các DNNVV của thành phố Hà Nội là điển hình cho các DNNVV của Việt Nam. Và thành phố Hà Nội là trung tâm, nơi hội tụ nhiều điều kiện phù hợp để xây dựng và phát triển VUDN.

2.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Là phương pháp thu thập thông tin dựa vào phiếu điều tra khảo sát được gửi đến các đối tượng cần khảo sát với mục đích nhằm xác định nhu cầu UTDN của các doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV và đưa ra giải pháp phát triển mô hình này

tại cơ sở giáo dục, đồng thời đưa ra các khuyến nghị về chính sách.

Nghiên cứu tiến hành khảo sát các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực môi trường tại thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2022 bằng hình thức khảo sát trả lời trực tiếp vào bảng hỏi được thiết kế sẵn trên Google form và được gửi qua email của các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực môi trường tại địa bàn thành phố Hà Nội. Số phiếu phát ra là 60 phiếu, thu về và xử lý làm sạch chạy dữ liệu là 57 phiếu, đạt 95 %. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành khảo sát người học tại trường từ ngày 29/8/2022 đến ngày 05/9/2022 với số phiếu phát ra là 100 phiếu, thu về 87 phiếu, đạt 87 %. Người được thăm dò điều tra khảo sát thu thập thông tin có thể lựa chọn tích vào các ô tương ứng với các câu hỏi. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn dựa trên dữ liệu thứ cấp từ việc tổng hợp, phân tích các báo cáo, thống kê của Tổng Cục thống kê Việt Nam,... Tác giả cũng tìm hiểu và nghiên cứu một số tài liệu trên các trang điện tử, nhiều đề tài, tạp chí khoa học, báo cáo nghiên cứu và các tham luận đã được đăng trên các tạp chí có uy tín với chỉ số impact factor cao đề cập đến VUDN trong và ngoài nước.

2.2.3. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

Tác giả lựa chọn hai trường hợp nghiên cứu cụ thể là: Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ trong trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích của việc lựa chọn này là tác giả chọn hai vườn ươm ở hai khu vực

khác nhau (tại hai thành phố lớn của Việt Nam) với những chính sách chung giống nhau và những chính sách hỗ trợ cụ thể khác nhau. Từ đó, sẽ cho thấy những khó khăn và những thuận lợi liên quan đến vấn đề chính sách hỗ trợ của nhà nước mà các vườn ươm gặp phải đa dạng hơn. Khi nhận ra càng nhiều khó khăn cũng như thuận lợi thì nghiên cứu sẽ có nhiều gợi ý để tác giả đưa ra được những biện pháp mang tính tổng hợp và chính xác hơn.

3. Kết quả nghiên cứu

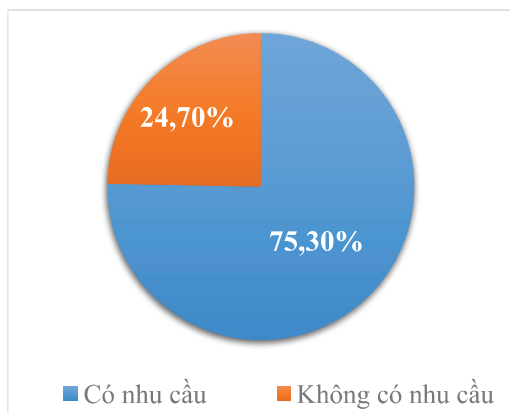
Kết quả nghiên cứu chỉ ra được thực trạng, nhu cầu ươm tạo của các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực môi trường tại địa bàn thành phố Hà Nội và nhu cầu phát triển của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, từ đó xác định được các căn cứ khi xây dựng mô hình CSUT doanh nghiệp khoa học công nghệ trong Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. DNNVV chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thể các doanh nghiệp Việt Nam. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố DNNVV hiện chiếm tỷ trọng 97 % tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, đóng góp tới 45 % vào GDP, 31 % vào tổng số thu ngân sách và thu hút hơn 5 triệu lao động [8].

Thống kê đến tháng 4 năm 2022, số lượng DNNVV của Hà Nội chiếm khoảng 97 % trên tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập. Hiện tại, tổng số DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội là 311.240 doanh nghiệp, là khu vực doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng trong tạo việc làm (chiếm 50,1 % lao động trong các doanh nghiệp), tăng thu nhập cho người lao động, huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển và đóng góp vào ngân

Nghiên cứu

sách của Thủ đô nói riêng và của cả nước nói chung. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp. Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), 87,2 % doanh nghiệp cho biết chịu ảnh hưởng ở mức “phần lớn” hoặc “hoàn toàn tiêu cực”, chỉ 11 % doanh nghiệp cho biết “không bị ảnh hưởng gì” và gần 2 % ghi nhận tác động “hoàn toàn tích cực” hoặc “phần lớn tích cực” [12].

Thị trường ngành công nghiệp môi trường ở Việt Nam chưa phát triển. Cơ sở hạ tầng của các doanh nghiệp chế tạo thiết bị, sản xuất sản phẩm tại ngành này vẫn còn hạn chế. Hiện nay, trên cả nước có khoảng gần 4.000 doanh nghiệp được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực môi trường, trong đó Hà Nội chiếm 2/3 bao gồm thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại. Trong đó, phần lớn các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp môi trường chủ yếu thực hiện chức năng sản xuất, vì vậy các nghiên cứu chưa nhiều và nếu có, thường mang tính giải quyết tình thế, chủ yếu mang tính mô phỏng công nghệ, thiết bị đã có.



Hình 1: Biểu đồ thể hiện nhu cầu ươm tạo của DNNVV hoạt động trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát của tác giả

Qua khảo sát thí điểm 57 DNNVV hoạt động trong lĩnh vực môi trường thấy rằng hầu hết họ đều có nhu cầu ươm tạo để nâng cao và cải thiện những mặt còn hạn chế của doanh nghiệp mình (Hình 1).

Có hơn 75 % doanh nghiệp trong đợt khảo sát khi được hỏi về nhu cầu ươm tạo họ đều trả lời là có nhu cầu. Các dịch vụ ươm tạo hỗ trợ phát triển sản phẩm và kinh doanh là rất cần thiết đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp mới thành lập họ thiếu kiến thức, kinh nghiệm và thiếu thông tin thị trường vì vậy họ rất cần các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, đào tạo, tiếp cận nguồn vốn và thêm vào đó các doanh nghiệp đang hoạt động thì cần hỗ trợ nghiên cứu công nghệ, cũng như chuyển giao công nghệ để nâng cao khả năng sản xuất sản phẩm của mình. Bên cạnh các nhu cầu về tư vấn, đào tạo, nghiên cứu thì các doanh nghiệp cũng rất cần thuê văn phòng và các phòng chức năng để nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ của mình. Bởi vì hầu hết họ là DNVVN chưa có nhiều điều kiện để xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho mục đích kinh doanh. Thêm vào đó, còn có các doanh nghiệp mới thành lập thì không thể nào có đủ số vốn để đầu tư về các mặt này.

Cụ thể dịch vụ này cho các văn phòng làm việc, phòng họp, hội thảo, thí nghiệm bao gồm bàn ghế, tủ tài liệu, mạng LAN, điều hòa, quạt,... Trên 50 % các doanh nghiệp cho rằng họ có nhu cầu sử dụng dịch vụ này.

Các doanh nghiệp cho biết các dịch vụ này rất quan trọng đối với quá trình hoạt động kinh doanh của họ, đặc biệt là nghiên cứu thị trường và nghiên cứu marketing, nghiên cứu công nghệ có mức độ khả thi rất cao. Vì đây là một trong số những khâu

quan trọng với một doanh nghiệp. Mà nếu như thiếu chúng thì không thể hoạt động thành công như mong muốn.

Thêm vào đó là các doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo, vì mặc dù đã chính thức đi vào hoạt động trên thực tế, nhưng không có nghĩa là các doanh nghiệp đã có thể đứng

vững trên thị trường, mà xem như mình đã nắm bắt hết các kiến thức cần và đủ để đi vào cạnh tranh trên thị trường. Ngày nay với nhiều hình thức khác nhau, doanh nghiệp có thể gia tăng năng lực quản trị về nhiều mặt bằng cách nhờ đến sự đào tạo các kiến thức mà mình còn thiếu sót.

Bảng 2. Nhu cầu đào tạo của các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội

STT	Nhóm nhu cầu	Có nhu cầu (%)	Không có nhu cầu (%)
1	Marketing	70	30
2	Quản trị kinh doanh	67	33
3	Quản trị tài chính	45	55
4	Kế toán	36	64
5	Kiểm toán	20	80
6	Ngoại thương	15	75
7	Chính sách kinh tế	15	75
8	Khác	22	78

Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát của tác giả

Hầu hết các doanh nghiệp đều có nhu cầu về đào tạo kiến thức marketing và quản trị kinh doanh, nghĩa là trên thực tế họ chưa thật sự hài lòng về doanh nghiệp mình, thế nên cần nâng cao kiến thức này nhiều hơn nữa.

Trong hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp thì việc nghiên cứu trước khi cho ra bất kỳ sản phẩm hay chiến lược nào cũng là việc đáng chú trọng. Chẳng hạn như muốn tạo ra một sản phẩm mới có tính cạnh tranh với các sản phẩm của đối thủ, thì việc trước tiên đó là nghiên cứu về thị trường của sản

phẩm ấy hiện nay như thế nào và tìm hiểu thị hiếu của người tiêu dùng về nó ra sao. Thêm vào đó, phải tạo sự khác biệt hay tính ưu việt của sản phẩm mới này như thế nào để gây được ấn tượng với khách hàng. Muốn làm được điều đó ta cần phải có công nghệ để sản xuất ra nó. Trong khi đó hiện nay hầu hết các DNNVV ở Hà Nội áp dụng công nghệ mới và nghiên cứu công nghệ còn rất hạn chế, chưa kể đến các kiến thức về hoạt động kinh doanh. Chính vì thế qua khảo sát, ta thấy rằng hầu hết họ đều có nhu cầu với các loại hình nghiên cứu khác nhau.

Bảng 3. Nhu cầu nghiên cứu và hỗ trợ của DNNVV ở Hà Nội

STT	Nhóm nhu cầu	Có nhu cầu (%)	Không có nhu cầu (%)
1	Nghiên cứu Marketing	51	49
2	Nghiên cứu thị trường	69	31
3	Nghiên cứu lợi thế cạnh tranh	45	55
4	Nghiên cứu hoạt động của doanh nghiệp	22	78
5	Xúc tiến Xuất nhập khẩu	15	75
6	Hội nhập kinh tế	29	71
7	Nghiên cứu công nghệ môi trường	80	20
8	Khác	2	98

Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát của tác giả

Nghiên cứu

Ta thấy rằng hầu hết đều có nhu cầu về nghiên cứu và hỗ trợ về thị trường và công nghệ, kể đến là marketing. Tất cả đều hướng đến mục tiêu làm thế nào để sản phẩm của mình có thể đến tay người tiêu dùng và đạt thành công cho doanh nghiệp nhiều nhất. Thật sự mà nói các doanh nghiệp này, khi được khảo sát về chi tiết đầu tư thì thấy rằng họ chi khá nhiều cho khâu máy móc, trang thiết bị. Bởi họ cho rằng chỉ khi công nghệ hiện đại hơn thì góp phần làm dây chuyền sản xuất hoạt động có hiệu quả hơn. Nếu là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thì giảm được các sản phẩm bị lỗi, chất lượng sản phẩm tăng lên, nếu là doanh nghiệp hoạt động về dịch vụ thì làm hài lòng khách hàng của mình hơn. Qua phân tích về nhu cầu ươm tạo của các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội thì có thể thấy rằng, họ có nhu cầu ươm tạo về các mặt quan trọng trong quá trình thành lập và hoạt động của mình. Họ cần một VUDN có thể thực hiện các dịch vụ ươm tạo trên một cách đúng nghĩa nhất. Vấn đề đặt ra là cần tìm một địa điểm thích hợp và có đủ điều kiện để thành lập VUDN và phát triển các dịch vụ vừa nghiên cứu trên.

Đồng thời, tác giả đã tiến hành phỏng vấn đến những sinh viên năm cuối Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc nhận thức cũng như tham khảo ý kiến về việc xây dựng mô hình CSUT doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại Nhà trường nhằm đánh giá mức độ khả thi, những ưu điểm và lợi thế khi xây dựng và phát triển loại hình này tại Trường. Gửi bảng khảo sát qua Google form đến 4 lớp Khóa 9 điển hình thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp từ ngày 29

tháng 8 năm 2022 đến ngày 05 tháng 9 năm 2022, tổng hợp kết quả khảo sát ngày 07 tháng 9 năm 2022. Tổng số lượt tham gia khảo sát: 87 lượt. Kết quả khảo sát về việc đã từng nghe khái niệm VUDN được thể hiện qua Hình sau:



Hình 2: Biểu đồ thể hiện nhận thức về khái niệm vườn ươm doanh nghiệp của người học

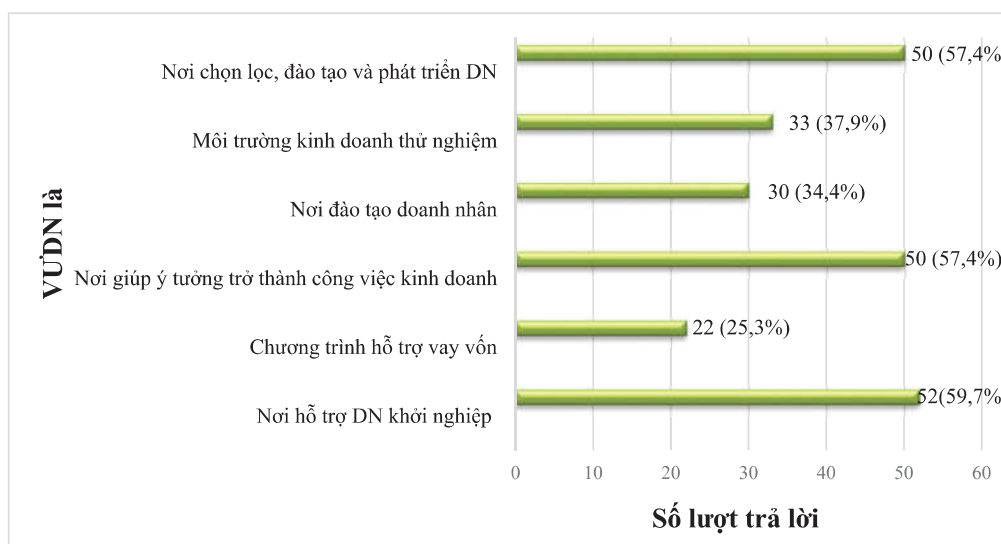
Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát của tác giả

Hình 2 thể hiện rằng hầu hết sinh viên chưa từng nghe hoặc đã từng nghe nhưng không quan tâm đến ươm tạo doanh nghiệp chiếm đa số với tổng 76/87 lượt, đạt 87%. Như vậy, đối tượng tham gia khảo sát đa phần chưa được tham gia khóa đào tạo hoặc học phần hướng nghiệp nào; Hướng nghiệp giúp người học xác định được mục đích và hình thành động cơ học tập đúng đắn. Nó còn giúp kết nối sinh viên với thực tiễn, đưa hoạt động đào tạo gần hơn với nhu cầu xã hội bằng những chương trình tham quan thực tế sản xuất, hội thảo chuyên đề, gặp gỡ doanh nghiệp,... Đây cũng là nơi quan tâm, đồng hành và chia sẻ những khó khăn trong quá trình học tập của sinh viên thông qua hoạt động huy động các nguồn lực xã hội. Hỗ trợ về mặt tinh thần cho sinh viên bằng những hoạt động tư vấn,

tổ chức các chương trình ngoại khóa để sinh viên có thể cân bằng về tâm lý. Giúp sinh viên hình thành những kỹ năng cần thiết, những ý tưởng kinh doanh, dự án khởi nghiệp cho hành trang lập nghiệp và tạo cầu nối cho các em tiếp cận những vị trí thực tập, mô hình doanh nghiệp, việc làm. Đồng thời, giúp sinh viên hiểu rõ năng lực bản thân, hiểu rõ ngành nghề, hiểu rõ thị trường việc làm để nỗ lực học tập, giảm độ “chênh” giữa nhà trường và doanh nghiệp cũng như giảm chi phí phải đào tạo lại cho doanh nghiệp mỗi khi phải tuyển dụng nhân viên mới tốt nghiệp. Hơn nữa, trường đại học tạo kết nối giữa những nhà khởi nghiệp có chung ý tưởng và mạng lưới khách hàng tiềm năng, giúp

trường học trở thành nền lý tưởng để thử nghiệm những ý tưởng mới, góp phần tạo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Trong nội dung khảo sát đến sinh viên, tác giả đặt các câu hỏi mở cho phép người tham gia nhận biết về khái niệm VUDN. 87/87 lượt đưa ra các trả lời có ít nhất một đặc điểm đúng về mô hình VUDN, trong đó khái niệm VUDN là nơi hỗ trợ DN khởi nghiệp được lựa chọn nhiều nhất là 52 lượt, chiếm 59,7 %; Nơi chọn lọc, chọn lọc và phát triển DN (57,4 %); Nơi giúp ý tưởng trở thành công việc kinh doanh (57,4%). Điều đó cho thấy, sinh viên trường đã nhận thức đúng và rõ ràng về vai trò, chức năng của VUDN.



Hình 3: Nhận biết của sinh viên về vườn ươm doanh nghiệp

Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát của tác giả

Ở những vườn ươm đổi mới sáng tạo, những dự án/kế hoạch kinh doanh được tập trung để tìm ra lời giải cho các vấn đề mà xã hội đang gặp phải. Tất cả các sinh viên, cựu sinh viên - thậm chí sinh viên từ năm nhất đều có thể tham gia. Những dự án đó luôn luôn có những điểm mới chưa từng có trên thị trường hoặc cải tiến những điều đang tồn tại, tạo

ra sự khác biệt. Ngoài ra, vườn ươm là nơi hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và kết nối nhà đầu tư. Tham gia tại vườn ươm, các nhóm được các chuyên gia tư vấn, phân tích, hỗ trợ điều chỉnh mô hình kinh doanh để đủ sức cạnh tranh với thị trường. Vườn ươm tại Trường hoạt động phi lợi nhuận, đây là dự án vì xã hội và mang lại lợi ích cho sinh viên, nuôi dưỡng

Nghiên cứu

ý tưởng hay góp phần gia tăng giá trị phát triển bền vững cho xã hội.

Ý tưởng và dự án xuất phát từ sinh viên hoặc các cựu sinh viên khi mới tốt nghiệp là rất lớn. Tuy nhiên, các ý tưởng này không được nuôi dưỡng, không được hỗ trợ thực thi, dẫn đến lãng phí ý tưởng của xã hội. Xã hội có thêm giá trị mới, đất nước phát triển có sự đóng góp của nhiều doanh nghiệp mới, càng nhiều doanh nghiệp lớn mạnh là yếu tố rất quan trọng. Vườn ươm đổi mới sáng tạo dành cho sinh viên đại học là một mô hình - một việc làm cần thiết trong thế giới hiện đại ngày nay.

Các VUDN ở Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của sự hình thành và phát triển của mình, thuộc thế hệ đầu tiên, đó là các VUDN chủ yếu phục vụ một số lượng ít doanh nghiệp khởi nghiệp, chỉ từ 5 - 20 doanh nghiệp, các doanh nghiệp đều có quy mô vừa và nhỏ. Mô hình này tương đối phù hợp với các VUDN nước ta. Mô hình này ở Việt Nam được các VUDN áp dụng tương đối hoàn chỉnh, với việc cung cấp cơ sở vật chất hạ tầng dùng chung và một số dịch vụ hỗ trợ kinh doanh như thủ tục pháp lý, hành chính - nhân sự - kế toán, quản trị kinh doanh và vốn đầu tư ban đầu. Việt Nam hiện có khoảng 50 CSUT doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tập trung chủ yếu ở hai trung tâm chính của Việt Nam là thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. VUDN tạm thời chia làm 3 nhóm: Vườn ươm trong các khu công nghệ cao, Vườn ươm trong trường đại học và vườn ươm trong doanh nghiệp.

Hiện nay, hệ thống vườn ươm ở Việt Nam đã đa dạng hơn về loại hình, tăng dần về số lượng, được mở rộng cơ sở vật chất, tăng thêm trang thiết bị hiện đại, đồng bộ.

Sản phẩm của các vườn ươm cũng ngày càng đa dạng, với nhiều sản phẩm công nghệ cao được áp dụng rộng rãi trên thực tế, đóng góp cho phát triển công nghệ, kinh tế - xã hội của đất nước. Trước năm 2003, Việt Nam chưa có vườn ươm và doanh nghiệp được ươm tạo nào thì đến nay số lượng doanh nghiệp đang được ươm tạo đã tăng lên đáng kể (khoảng trên dưới 100 doanh nghiệp), với số doanh nghiệp được ươm tạo ở mỗi vườn ươm dao động từ 3 - 7 doanh nghiệp.

4. Kết luận và một số kiến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc xây dựng và phát triển mô hình CSUT doanh nghiệp khoa học công nghệ trong Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, tác giả thấy rằng việc xây dựng này rất có ý nghĩa cho kinh tế - xã hội, phát triển công nghệ sạch, công nghệ xanh tại Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Nếu chức năng và nhiệm vụ bình thường của một trường đại học là đào tạo cho các sinh viên của mình để trong tương lai họ có thể trở thành nhân tài phục vụ cho Đất nước, thì việc đào tạo các doanh nghiệp mới thành lập lại càng có ý nghĩa hơn, góp phần vào sự phát triển cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và cho sự phát triển và khẳng định thương hiệu của Trường nói riêng. Thực tế các doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV hoạt động và kinh doanh trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đang rất cần một tổ chức như VUDN để giúp họ khắc phục các khó khăn trong giai đoạn đầu hoạt động cũng như định hướng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh, từ đó họ có thể cạnh tranh và thành công trong tương lai. Dù còn nhiều khó khăn trong

hoạt động ươm tạo. Nhưng nếu có thể khắc phục những khó khăn, trở ngại mà các VUDN hiện tại đang gặp phải và đưa ra được những biện pháp, giải pháp thích hợp thì việc xây dựng và phát triển cơ sở ươm tạo doanh nghiệp tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội sẽ phát triển và thành công và sẽ địa chỉ đáng tin cậy cho sự lựa chọn ươm tạo của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tiễn, những vấn đề cơ sở lý luận liên quan và các đề xuất biện pháp, giải pháp nhằm đẩy mạnh, phát triển và xây dựng thành công mô hình trung tâm UTDN khoa học công nghệ trường Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nói riêng và mạng lưới VUDN công nghệ trong các trường đại học tại Việt Nam nói chung, vấn đề chủ yếu mà tác giả gặp phải trong quá trình thực hiện đó là chính sách đầu tư, chính sách tạo nguồn thu hướng tới tự chủ tài chính, vấn đề về thiết lập mạng lưới liên kết,... Vì vậy, theo tác giả, nhằm xây dựng và phát triển thành công mô hình này cần thực hiện hiệu quả một số giải pháp sau:

- Nhà trường cần đầu tư, xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, kiện toàn bộ máy nhân sự, xây dựng các cơ chế, chính sách,... phục vụ cho việc ươm tạo cũng như cần đào tạo, phổ biến rộng rãi những khái niệm, ưu điểm khi xây dựng và phát triển mô hình CSUT doanh nghiệp khoa học công nghệ tại Trường. Trung tâm này có vai trò kết nối, thúc đẩy khởi nghiệp và các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp đồng thời hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp mới hình thành, sàng lọc để các sản phẩm có tiềm năng được ươm tạo và nâng

cao giá trị trước khi đem chào bán ra thị trường. Ngoài ra, các đơn vị này còn tư vấn về góc độ pháp lý và quyền lợi của các bên khi sản phẩm được thương mại hóa;

- Cần chỉ định rõ các lĩnh vực, địa bàn ưu tiên thành lập CSUT, lĩnh vực ươm tạo có điều kiện,... để có những giải pháp tập trung đầu tư, hỗ trợ thích hợp. Đồng thời có cơ chế hỗ trợ cho các nhiệm vụ và sản phẩm khoa học công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn của các địa phương, các đối tác và doanh nghiệp có khả năng thương mại hóa;

- Thực tiễn hóa đội ngũ giảng viên trong Trường và tri thức hóa đội ngũ công nhân trong các doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cần có cơ chế, chính sách khuyến khích đội ngũ giáo sư, tiến sĩ, giảng viên có chất lượng cao trong Trường tham gia vào các dự án hoặc chia sẻ, cố vấn cho doanh nghiệp thông qua các chương trình đào tạo nội bộ. Nhà trường cũng cần chủ động mời các nhà quản lý, nhân lực giỏi từ doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo của Nhà trường về những kỹ năng tác nghiệp trên máy móc, thiết bị thực tế để quá trình nghiên cứu, giảng dạy trên giảng đường sát với thực tiễn;

- Nhà trường cần chú trọng bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ như bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ thông qua hoạt động đăng ký xác lập quyền và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp để thu về khoản tài chính nhất định, tạo ra thu nhập và tái đầu tư nghiên cứu. Mặt khác, các doanh nghiệp cần chú trọng đầu tư cho Trường qua hoạt động hợp tác nghiên cứu, thuê khoán; Bảo vệ bí mật kinh doanh,... Trong quá trình hợp tác, các bên cần đặt ra những quy định cụ thể trong bảo vệ và khai thác

Nghiên cứu

quyền sở hữu trí tuệ, tránh các mâu thuẫn và rủi ro phát sinh trong quá trình hợp tác về vấn đề có liên quan;

- Đối với ươm tạo các lĩnh vực liên quan đến công nghệ sạch - công nghệ xanh, thì đưa quỹ đổi mới công nghệ quốc gia chính thức đi vào hoạt động để hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ. Sớm thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao quốc gia để đầu tư vốn, cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ chức, cá nhân hình thành và phát triển doanh nghiệp ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao;

- Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học, ươm tạo những ý tưởng, kết quả nghiên cứu có khả năng khởi nghiệp. Vì vậy cần từng bước hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, ươm tạo khởi nghiệp và khơi dậy tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên trong Trường. Hơn nữa, vườn ươm là nơi kết nối và thực tập thực tế có ý nghĩa lớn với sinh viên, cựu sinh viên hay những doanh nhân thành đạt làm mentor (cố vấn) cho các ý tưởng; Sinh viên được trải nghiệm thực tế và làm việc như một chủ doanh nghiệp hoặc nhân viên trong công ty ngay từ trên ghế giảng đường.

Để hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp được thiết thực, hiệu quả và bền vững, các bên cần nhận thức rõ các lợi ích, tôn trọng và cân bằng các lợi ích. Nhà trường cần ưu tiên chuyển giao công nghệ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ doanh nghiệp trong tư vấn, giải quyết các vấn đề của

doanh nghiệp. Ngược lại, doanh nghiệp cần tạo điều kiện tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập, tham quan, khảo sát, tuyển dụng và sử dụng sinh viên tốt nghiệp của nhà trường; Đóng vai trò là nhà cung cấp thông tin, phản biện để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu của thị trường lao động; Thường xuyên trao đổi, góp ý chương trình đào tạo, mô hình, phương pháp đào tạo của nhà trường; Tài trợ, ủng hộ cho nhà trường cơ sở vật chất, thông tin và các nguồn lực trong khả năng của doanh nghiệp. Có như vậy, hoạt động liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp mới có ý nghĩa thiết thực, hiệu quả và bền vững.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ và là sản phẩm của đề tài cấp Cơ sở “*Nghiên cứu xây dựng mô hình ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*”. Mã số: 13.01.22.F.06.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2012). *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

[2]. Bộ Khoa học và Công nghệ (2020). *Thông tư số 07/2020/TT-BKHHCN ngày 11/12/2020 về việc hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo*.

[3]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009). *Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*.

[4]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). *Nghị định số*

78/2015 /NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 về đăng ký doanh nghiệp.

[5]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). *Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014*.

[6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). *Luật hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012*.

[7]. Tổng cục Thống kê (2015). *Báo cáo sơ bộ kết quả Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2015*. Hà Nội.

[8]. Vũ Tiên Lộc và cộng sự (2016). *Môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*.

[9]. Allen, D. N and McCluskey, R. (1990). *Structure, Policy, Services and*

Performance in the Business Incubator Industry. Entrepreneurship, Theory and Practice, vol.15, no.2, pp. 61 - 77.

[10]. United Nations (2004). *Promoting business and technology incubation for improved competitiveness of small and medium-sized industries through application of modern and efficient technologies*. UN Publication, ISBN: 91-1-120353-9.

[11]. UKBI (2008). *What is Business Incubation?*. <http://ukbi.co.uk>.

[12]. <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Doanh-nghiep/999867/ha-noi-day-manh-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua>.

Ngày nhận bài: 12/9/2022; Ngày chấp nhận đăng: 27/9/2022